

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Hiệp
Ông Hứa Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Giang Tấn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Kim Thành L, sinh ngày 27/11/2002 tại Hồ N, Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Văn C và bà Hồ Thị Kim P; có vợ tên Nguyễn Ngọc L1 và có 01 người con sinh năm 2024; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: không có án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 26/01/2025 đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Thanh S1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2022, bị cáo Kim Thành L có nhận làm thủ tục sang tên, tách thửa đất cho ông Cao Thanh S1, tại thửa đất số 74 + 71, tờ bản đồ số 39 (8), đất

tọa lạc tại khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ, sau khi được cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S1, thì bị cáo L phô tô và giữ lại bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi đưa lại bản chính cho ông S1.

Tháng 8 năm 2022, bị cáo L đến gặp ông S1 hỏi mua lại thửa đất số 74 + 71 nêu trên, khi đó ông S1 đưa ra giá 450.000.000 đồng, bị cáo trả giá thấp hơn với số tiền 370.000.000 đồng, ông S1 không đồng ý nên việc chuyển nhượng đất không thành.

Tháng 9 năm 2022, bị cáo L đến gặp bị hại bà Nguyễn Thị S, bị cáo nói dối là đã nhận chuyển nhượng đất của ông S1 tại thửa số 74 + 71 và đã đưa tiền đặt cọc trước cho ông S1 số tiền 50.000.000 đồng, khi đó bị cáo đưa cho bà S xem bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S1 đứng tên, đồng thời bị cáo dẫn bà S trực tiếp đến xem thửa đất của ông S1 tại khóm T, Phường N để cho bà S tin tưởng. Sau khi xem thực địa thửa đất cùng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà S đã đồng ý nhận chuyển nhượng lại thửa đất trên với giá 480.000.000 đồng. Bị cáo đã lần lượt nhận tiền đặt cọc của bà S 04 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng (lần 1 số tiền 10.000.000 đồng, lần 2 số tiền 30.000.000 đồng, lần 3 số tiền 60.000.000 đồng và lần 4 số tiền 100.000.000 đồng). Tiếp đến ngày 15/9/2022, giữa bị cáo L cùng với bà S xác lập bản “Hợp đồng đặt cọc”, theo nội dung hợp đồng thì bị cáo L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà S diện tích ngang 51 mét chiều dài 45 mét tại thửa số 74 + 71 do ông S1 đứng tên với số tiền 480.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc 60 ngày (từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/11/2022), bị cáo có trách nhiệm cùng với bà S làm thủ tục công chứng vào hợp đồng chuyển nhượng đất, khi hoàn tất thủ tục nêu trên thì bà S sẽ giao đủ số tiền còn lại 280.000.000 đồng cho bị cáo. Trong thời gian này bị cáo hẹn gặp bà S tại Văn phòng C1 (địa chỉ Khóm A, phường N, TP) để chứng thực hợp đồng, tại đây bị cáo kêu bà S ký tên vào bản hợp đồng chuyển nhượng đất và yêu cầu giao đủ cho bị cáo số tiền còn lại 280.000.000 đồng, khi đó bà S yêu cầu phải có mặt ông S1 trực tiếp ký tên vào hợp đồng thì bà S mới đồng ý giao đủ số tiền 280.000.000 đồng còn lại, lúc đó bị cáo biết là không thể thực hiện được nên bị cáo bỏ về nhà. Lúc này bà S nghi ngờ nên tìm đến nhà ông S1 thì mới biết bị cáo L đã đưa ra thông tin gian dối, nhằm để chiếm đoạt tiền đặt cọc của bà S số tiền 200.000.000 đồng, nên ngày 15/5/2023 bà S đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N tố giác hành vi phạm tội của bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N đã ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Kim Thành L về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bắt tạm giam đối với bị cáo.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-KV7 ngày 16/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ truy tố bị cáo Kim Thành L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, bị cáo

có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Bị hại bà Nguyễn Thị S yêu cầu xử lý hình sự bị cáo theo quy định pháp luật, tại phiên tòa bị hại thay đổi yêu cầu về trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, về trách nhiệm dân sự bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng. Tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh S1. Xét thấy, việc vắng mặt không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 9 năm 2022, bị cáo Kim Thành L đã có hành vi sử dụng bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cao Thanh S1 và đưa ra các thông tin gian dối để cho bị hại bà Nguyễn Thị S tin tưởng rằng thửa đất số 74 + 71, tờ bản đồ số 39, tọa lạc khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ là của bị cáo nhận chuyển nhượng từ ông S1, nên bà S đồng ý nhận chuyển nhượng lại thửa đất trên và đưa tiền cọc cho bị cáo số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân, do số tiền chiếm đoạt trị giá 200.000.000 đồng, nên hành vi trên đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng số 27/CT-VKS-KV7 ngày 16/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là chủ thể có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối, lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, cần có một mức án tương thích để đảm bảo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng, tại phiên tòa đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại thêm 20.000.000 đồng, ông nội bị cáo là cụ Kim Văn D là Liệt sĩ. Nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51, nên đại diện Viện kiểm sát đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Xét đề nghị trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết tuân thủ pháp luật và có ích cho xã hội sau này.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục cho bị hại số tiền chiếm đoạt 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng thì bị cáo đồng ý, xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí đều đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Kim Thành L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Kim Thành L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/01/2025.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kim Thành L có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị S số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Kim Thành L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
 - VKSND thành phố Cần Thơ;
 - VKSND KV7-Cần Thơ;
 - Công an thành phố Cần Thơ
- (Cơ quan điều tra, Phòng hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- THADS thành phố Cần Thơ;
 - Bị cáo; Bị hại; NLQ;
 - Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp